CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà

Ngày 30/09/2024	18,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-0.5%**	**2.7%**

DT thuần
Q3/24
13.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.5| -47.4%
YoY: ▲ 0.50| 4.0%

LN thuần
Q3/24
2.59
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.75| -51.4%
YoY: ▲ 1.94| 299%

LN sau thuế
Q3/24
0.33
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.38| 755%
YoY: ▼0.21| -39.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
2.7%
YoY: +/-▼ 26.1%

ROE (TTM)
Q3/24
0.2%
YoY: +/-▼ 0.1%

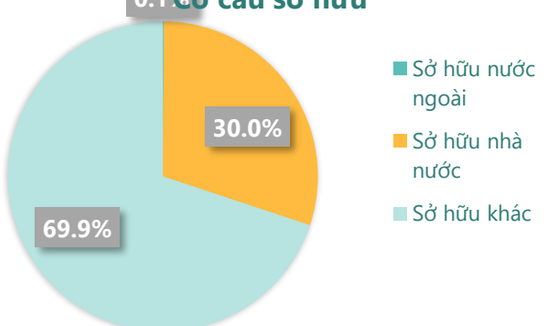
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	16,200 - 36,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	376
Số lượng CPLH (CP)	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.31)
EPS	34
P/E	548.7

DT thuần
9T 2024
51.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.90| -12.0%

LN thuần
9T 2024
8.37
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.57| 23.2%

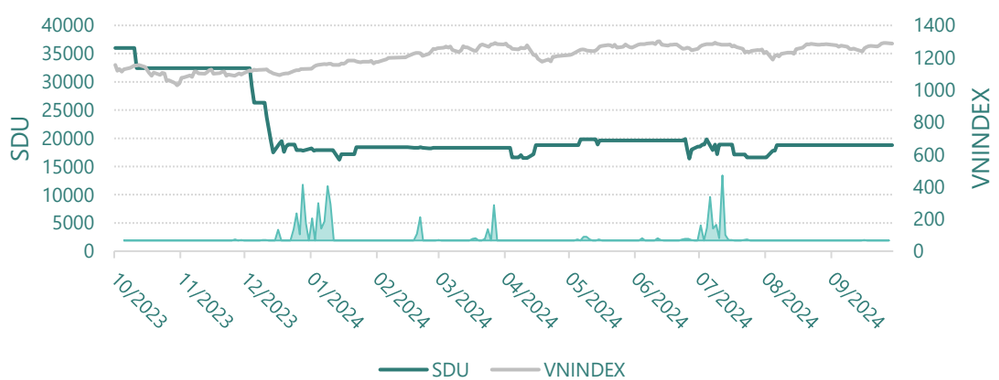
LN sau thuế
9T 2024
0.62
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.67| -51.9%

Cơ cấu sở hữu

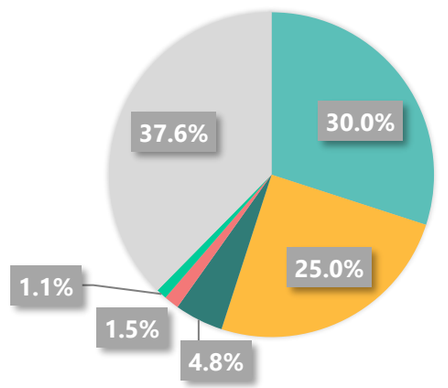


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



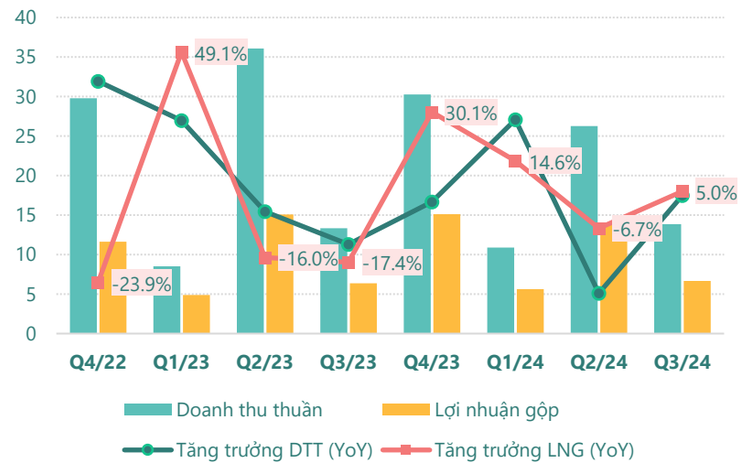
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

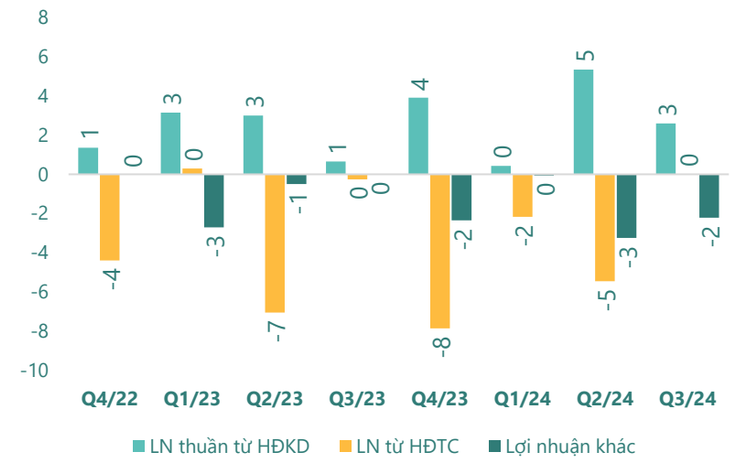
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



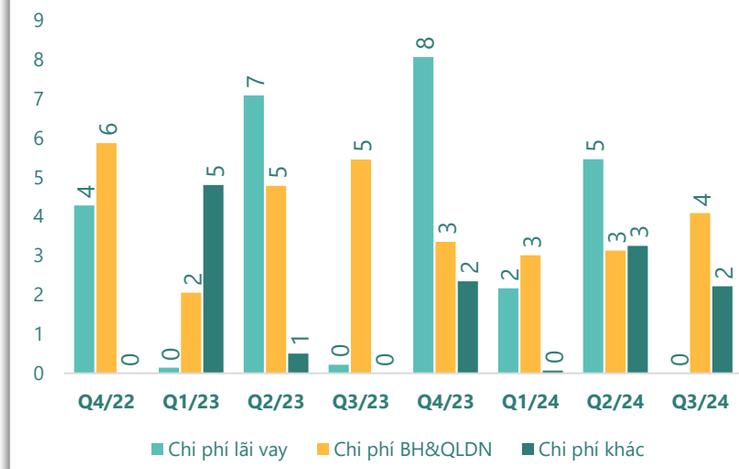
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



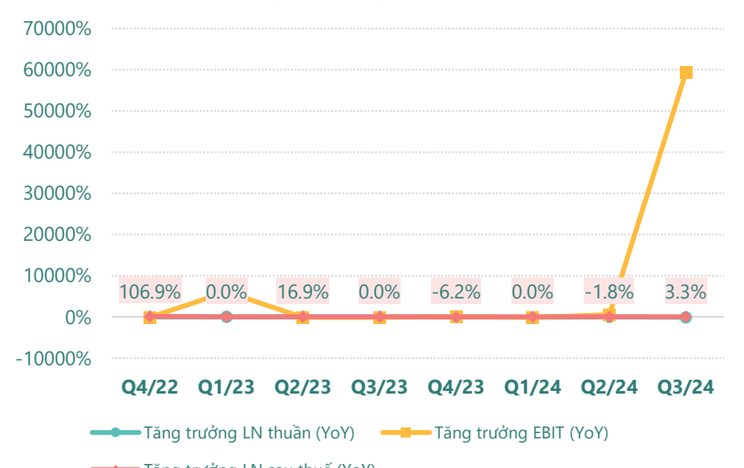
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



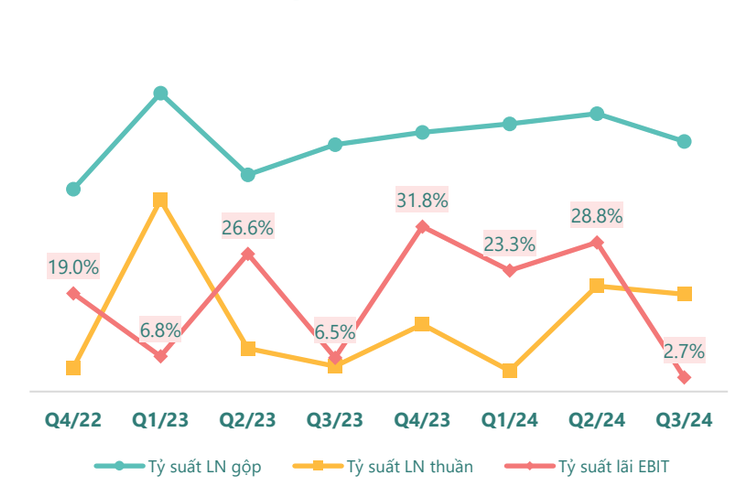
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



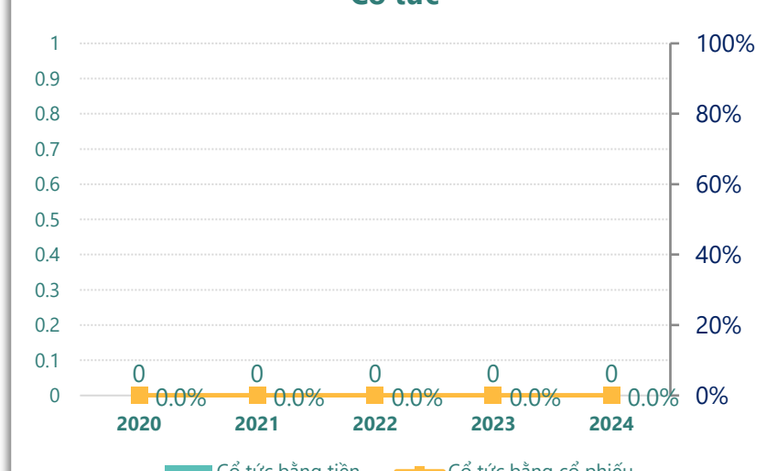
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

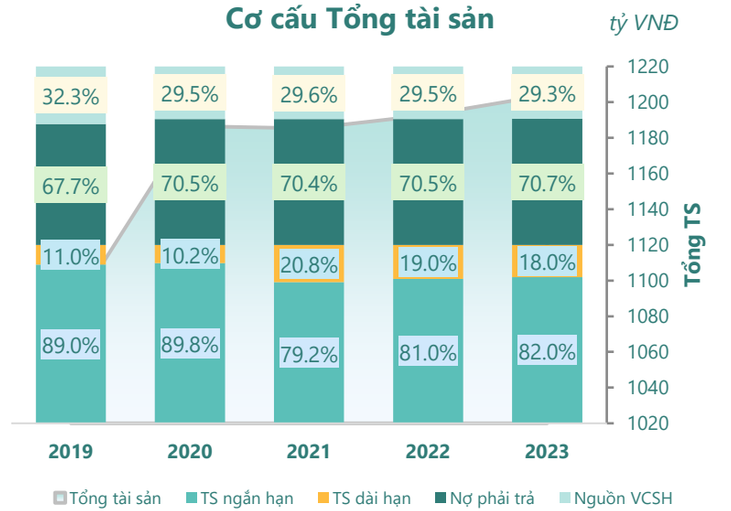
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

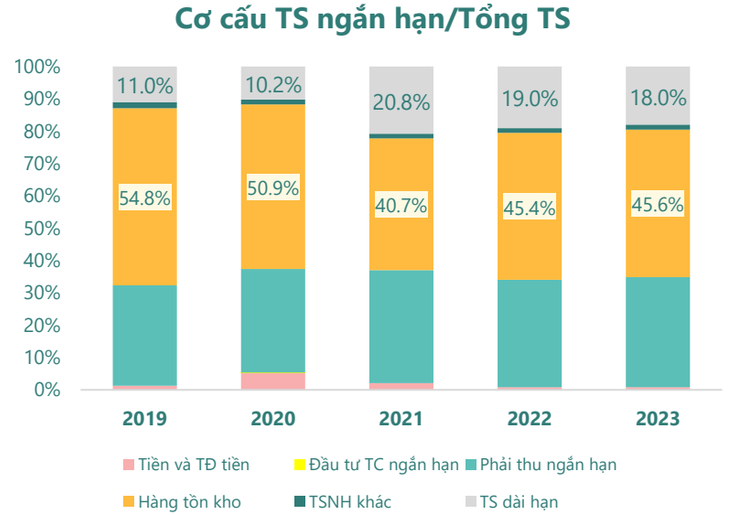
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



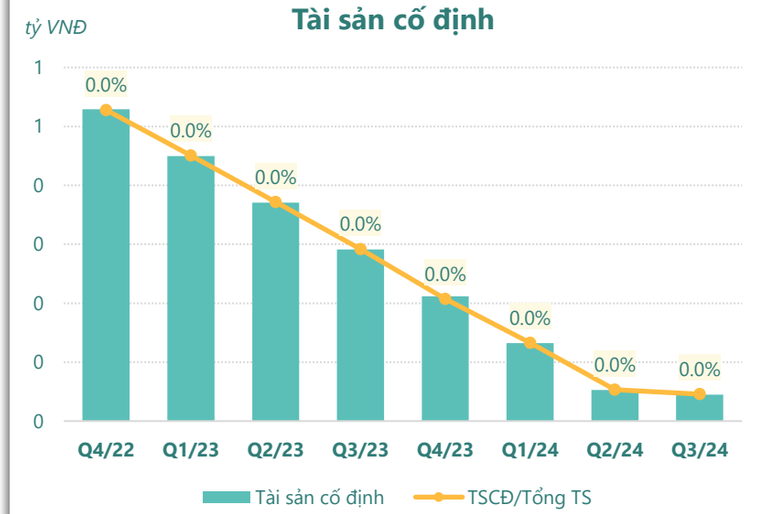
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



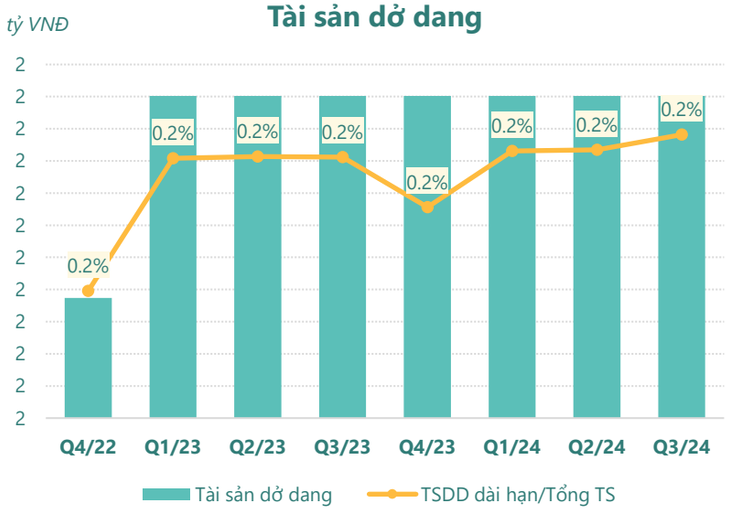
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



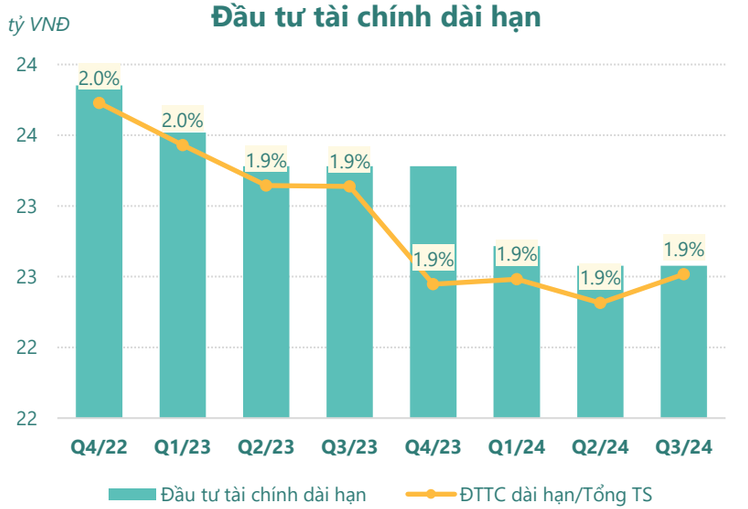
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



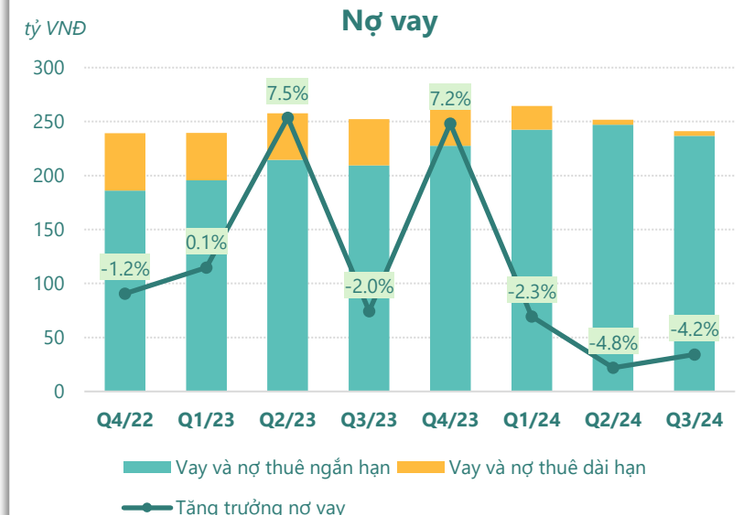
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

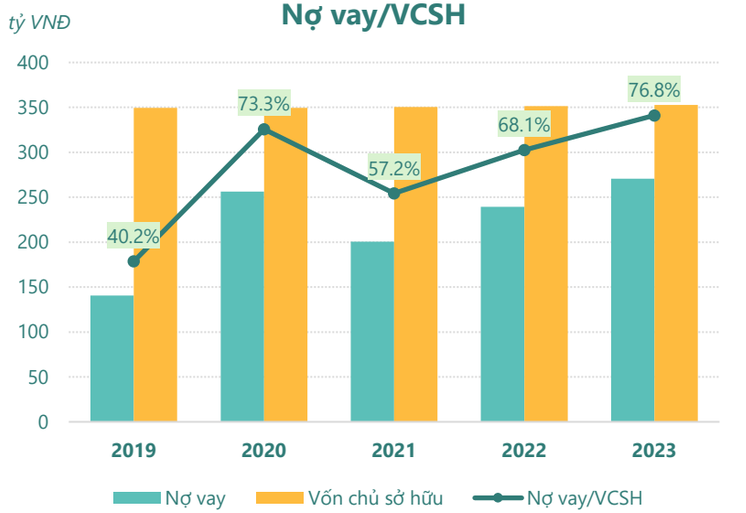
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

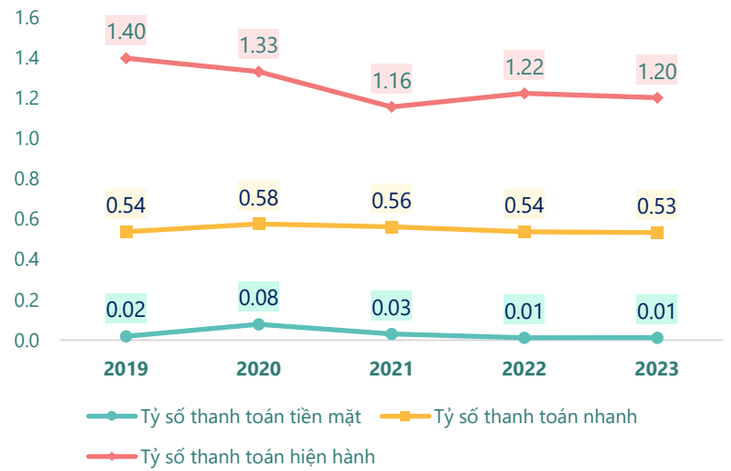
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



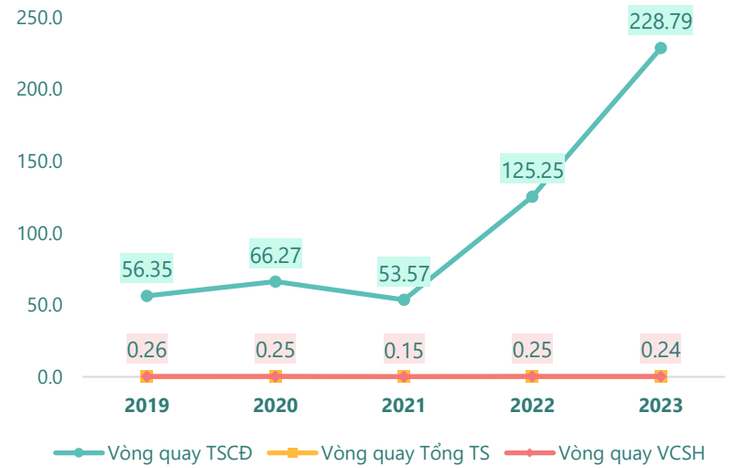
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



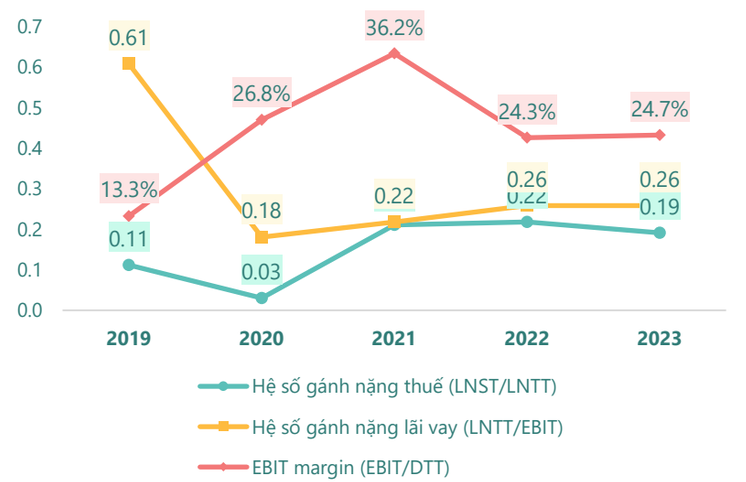
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



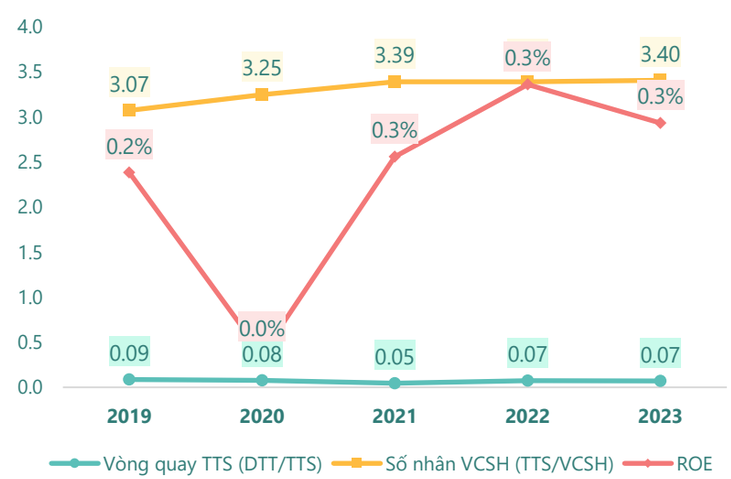
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



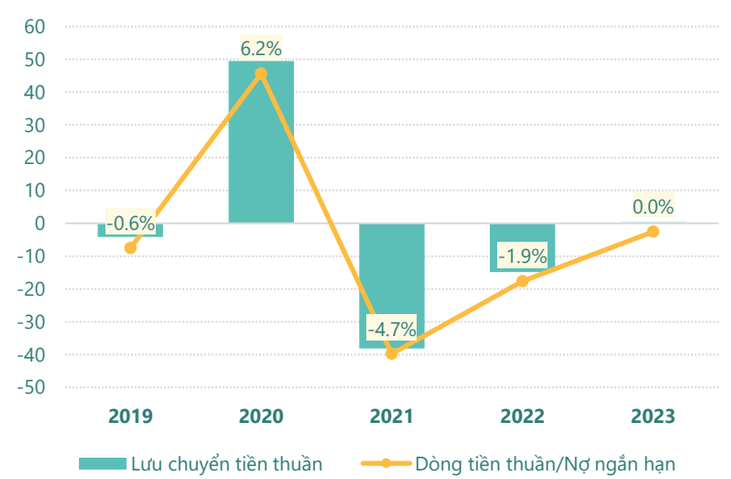
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**13.8**	**13.3**	**4.0%**	**51.0**	**57.9**	**-12.0%**
Giá vốn hàng bán	7.16	6.98	2.6%	24.6	31.6	-22.2%
Lợi nhuận gộp	6.68	6.36	5.0%	26.4	26.3	0.1%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.01	0.48	-97.6%
Chi phí TC	0	0.25	-100%	7.63	7.49	1.9%
Chi phí lãi vay	0	0.22	-100%	7.63	7.46	2.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**-0.14**	**-0.24**	**41.7%**
Chi phí bán hàng	0.27	0.00		0.27	0.16	70.6%
Chi phí QLDN	**3.81**	**5.45**	**-30.0%**	**9.96**	**12.1**	**-17.9%**
LN thuần từ HĐKD	2.59	0.65	299%	8.37	6.80	23.2%
Lợi nhuận khác	**-2.22**	**0.00**		**-5.54**	**-3.22**	**-72.0%**
LN trước thuế	0.38	0.65	-42.0%	2.84	3.58	-20.7%
Lợi nhuận sau thuế	**0.33**	**0.54**	**-39.3%**	**0.62**	**1.29**	**-51.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.33**	**0.54**	**-39.3%**	**0.62**	**1.29**	**-51.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.57	5.42	4.20	9.87	22.0	7.46
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.00	0.18	0.00	0.01	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.61	-5.26	-3.78	-8.36	-18.1	-10.5
Tiền đầu kỳ	9.47	9.44	9.60	10.2	11.7	15.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.03**	**0.16**	**0.61**	**1.50**	**3.90**	**-3.03**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.44	9.60	10.2	11.7	15.6	12.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,185**	**1,204**	**-1.6%**
Tài sản ngắn hạn	974	987	-1.3%
Tiền và tương đương tiền	12.6	10.2	23.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	410	410	0.1%
Hàng tồn kho	545	549	-0.7%
Tài sản ngắn hạn khác	6.14	18.1	-66.1%
Tài sản dài hạn	**211**	**217**	**-2.7%**
Phải thu dài hạn	0.09	0.06	50.0%
Tài sản cố định	0.05	0.21	-78.7%
Bất động sản đầu tư	167	173	-3.1%
Tài sản dở dang	2.24	2.24	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	22.6	22.7	-0.6%
Tài sản dài hạn khác	**18.9**	**19.0**	**-0.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	832	852	-2.3%
Nợ ngắn hạn	**820**	**822**	**-0.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	237	249	-4.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	16.9	25.2	-32.9%
Nợ dài hạn	12.3	29.8	-58.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.40	21.9	-79.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**353**	**353**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**353**	**353**	**0.2%**
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)